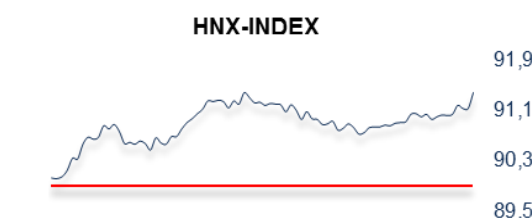


Giá trị đóng cửa	722,14
Biến động (%)	0,36%
KL(triệu CP)	214,8
Giá trị (tỷ đồng)	4.509
SLCP tăng giá	126
SLCP giảm giá	136
SLCP đứng giá	42



Giá trị đóng cửa	91,37
Biến động (%)	1,64%
KL(triệu CP)	68,9
Giá trị (tỷ đồng)	745
SLCP tăng giá	108
SLCP giảm giá	82
SLCP đứng giá	77



Giá trị đóng cửa	57,52
Biến động (%)	-0,24%
KL(triệu CP)	8,3
Giá trị (tỷ đồng)	123
SLCP tăng giá	78
SLCP giảm giá	70
SLCP đứng giá	48

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Nhiều cổ phiếu vốn hóa lớn khởi sắc, GAS và VNM hỗ trợ VN-Index vượt thành công ngưỡng 720 điểm, thiết lập đỉnh cao nhất trong hơn 9 năm trở lại đây. Trong đó, VNM có giao dịch thỏa thuận nội khối lớn của nhà đầu tư nước ngoài.

Hạ nhiệt về cuối phiên, VN-Index đóng cửa tăng nhẹ 2,58 điểm (0,36%) lên 722,14 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về số mã giảm điểm (126 mã tăng/136 mã giảm).

Sau phiên hồi phục tích cực hôm qua, VN-Index đã tiến sát ngưỡng 720 điểm – ngưỡng kháng cự quan trọng mà chỉ số nhiều lần chinh phục không thành công trong thời gian gần đây. Tâm lý hưng phấn tiếp tục được duy trì khi bước vào phiên cuối tuần, thanh khoản gia tăng mạnh với hàng loạt cổ phiếu vốn hóa lớn tăng giá (GAS, BVH, SSI, VNM, HPG, NVL...) đưa VN-Index vượt qua mức 724 điểm chỉ trong chưa đầy 30 phút giao dịch đầu tiên. Tuy nhiên, áp lực bán sau đó bắt đầu gia tăng kéo theo một số mã bluechips thu hẹp đà tăng, thậm chí giảm điểm vào cuối phiên sáng (FPT, VCB, VIC, EIB...) khiến chỉ số dần lùi về mốc tham chiếu. Diễn biến trong phiên chiều có phần thận trọng hơn, VN-Index dao động trong biên độ hẹp trên mốc 720 điểm trong suốt thời gian còn lại và đóng cửa tại 722,14 điểm.

- VNM có phiên tăng điểm thứ 4 liên tiếp và đóng cửa tại 141.700 đồng/cp, nhà đầu tư nước ngoài giao dịch khá sôi động cả chiều mua và bán cổ phiếu này. Phiên hôm nay VNM có giao dịch thỏa thuận nội khối của NDTNN với 3,7 triệu cổ phiếu, tương ứng giá trị 530 tỷ đồng. Sau 3 phiên giảm điểm vừa qua, NVL hồi phục ngay từ đầu phiên, đóng cửa gần mức cao nhất trong ngày tại 69.000 đồng/cp. Chiều ngược lại, mặc dù chỉ giảm 1% nhưng SAB là cổ phiếu lấy đi nhiều điểm số nhất của VN-Index (-0,47 điểm).
- Nhóm cổ phiếu dầu khí phân hóa với PVB, PGD, PVT, PXS chìm trong sắc đỏ trong khi GAS, PVD, PVS, PLC, PGS... đóng cửa tăng điểm mặc dù giá dầu thế giới tiếp tục giảm. Kết thúc phiên 23/03, giá dầu Brent chỉ còn 50,53 USD/thùng và giá dầu WTI còn 47,70 USD/thùng. GAS gây chú ý khi có phiên hồi phục thứ 2 sau chuỗi giảm 4 phiên liên tiếp trước đó, đóng cửa tại 54.500 đồng/cp (+2,4%) – đóng góp nhiều nhất vào mức tăng của VN-Index với 0,95 điểm.
- Giao dịch tích cực của nhóm ngân hàng được duy trì suốt phiên hôm nay, ACB, BID, CTG, MBB đều đóng cửa trong sắc xanh với mức tăng khá tốt. SHB bất ngờ tăng mạnh lên mức giá trần với thanh khoản đột biến, đạt 24,8 triệu cổ phiếu – cao nhất kể từ phiên 16/09/2016. Chiều ngược lại, VCB đảo chiều xuống còn 38.000 đồng/cp khi đóng cửa và STB lùi xuống mốc tham chiếu sau 4 phiên tăng điểm liên tiếp.

Thanh khoản gia tăng trở lại với tổng khối lượng giao dịch đạt hơn 214,8 triệu cổ phiếu, trị giá trên 4.509 tỷ đồng, trong đó, giao dịch thỏa thuận đóng góp 735 tỷ đồng. Các cổ phiếu khớp lệnh mạnh là ITA, FLC, HAG, STB... Trong đó, ITA dẫn đầu với gần 27 triệu cổ phiếu. Tiếp đến là FLC với lượng khớp 23,5 triệu cổ phiếu, HAG với 13,4 triệu cổ phiếu. Phiên hôm nay VNM và DXG là 2 mã có giao dịch thỏa thuận lớn nhất trị giá lần lượt 530 tỷ và 84 tỷ đồng.

Khối ngoại mua ròng hơn 194 tỷ đồng trên cả 2 sàn. Trên sàn HOSE, họ mua ròng phiên thứ 5 liên tiếp, với giá trị đạt hơn 178 tỷ đồng, giảm 33% so với phiên trước. Họ vẫn mua ròng mạnh nhất mã VNM, hơn 68,7 tỷ đồng. Các cổ phiếu được mua ròng tiếp theo là HPG (+44,2 tỷ đồng), VJC (+38,2 tỷ đồng), VIC (+29 tỷ đồng). Chiều ngược lại, PVD và VCB bị bán ròng mạnh nhất, lần lượt là 23,2

tỷ đồng và 17,5 tỷ đồng. Trên sàn HNX, khối ngoại cũng tiếp tục mua ròng hơn 16,2 tỷ đồng (tăng 11%). Họ mua ròng mạnh nhất mã PLC đạt hơn 6,6 tỷ đồng. Trong khi đó, SHB bất ngờ bị bán ròng hơn 2,7 tỷ đồng.

Tiếp tục lập đỉnh mới cùng ACB, HNX-Index vững đà tăng đến cuối phiên. Chỉ số đóng cửa tăng 1,47 điểm (tương đương 1,64%) lên 91,37 điểm. Thanh khoản tăng cao trong phiên cuối tuần.

ACB trở thành tâm điểm thị trường phiên cuối tuần khi tiếp tục bứt phá lên đỉnh mới, cao nhất trong phiên tại 25.900 đồng/cp. Đà tăng càng lan tỏa trong phiên chiều, với trợ lực từ ACB, PVS, SHB, HUT đã đưa chỉ số đóng cửa lên mức điểm cao nhất ngày. Ở nhóm cổ phiếu đầu cơ, HKB dù được kéo trần đầu phiên nhưng đóng cửa lùi lại 2 bước giá, KLF tiếp tục giao dịch lành lành trong sắc đỏ. Tại thời điểm đóng cửa, thống kê cụ thể toàn thị trường ghi nhận 108 mã tăng, 82 mã giảm và 77 mã đứng giá.

Tổng khối lượng giao dịch toàn thị trường đạt hơn 68,95 triệu đơn vị, tương ứng giá trị giao dịch đạt hơn 744,79 tỷ đồng. SHB tăng kịch trần và dẫn đầu thanh khoản khớp lệnh kỷ lục 24,78 triệu đơn vị. ACB đứng vị trí thứ 2 đạt 7,26 triệu đơn vị khớp lệnh. Các vị trí kế tiếp thuộc về: HKB, VCG, HUT, SHN...

Các cổ phiếu lớn phân hóa, UpCom-Index giảm điểm phiên thứ 4 liên tiếp. Chỉ số đóng cửa giảm 0,14 điểm (tương đương 0,24%) xuống 57,52 điểm.

Trong khi QNS, HVN, GEX, MSR, VOC giữ được sắc xanh cuối phiên thì ACV, FOX, MCH, WSB chìm trong sắc đỏ. Giao dịch trên sàn khá buồn tẻ, thanh khoản tiếp tục sụt giảm.

Tổng khối lượng giao dịch toàn sàn đạt 8,36 triệu đơn vị, tương ứng với giá trị giao dịch là 122,58 tỷ đồng. Toàn sàn có 78 mã tăng giá, 48 mã đứng giá, 70 mã giảm giá.

TIN TỨC NỘI BẬT:

Cập nhật giá hàng hóa ngày 24/03: Đến 16h35 phiên giao dịch hôm nay, giá cao su giao kỳ hạn tháng 8 tại Sở giao dịch hàng hóa Tokyo giảm 4,3 JPY/kg, tương đương 1,71%, xuống còn 247,2 JPY/kg. Giá cao su tiếp tục giảm mạnh sau khi Thái Lan cho biết, nước này sẽ bán 13.000 tấn cao su từ kho dự trữ trong một đợt đấu thầu nhà nước, nhằm mục đích duy trì dự trữ ở mức 107.000 tấn vào cuối tháng 5. Cùng với đó, giá dầu WTI tăng 34 cent, tương đương 0,71%, tăng lên mức 48,04 USD/thùng; giá dầu Brent tăng 28 cent, tương đương 0,55 %, lên mức 50,79 USD/thùng. *(Chi tiết xem tại [đây](#))*

Thu hút được 7,71 tỷ USD vốn FDI trong quý I/2017: Theo Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), tính chung vốn đăng ký cấp mới, tăng thêm và góp vốn mua cổ phần, trong quý I/2017 cả nước thu hút được 7,71 tỷ USD vốn đầu tư nước ngoài (FDI), tăng 91,5% so với cùng kỳ 2016; vốn thực hiện ước đạt 3,62 tỷ USD, tăng 3,4%. Cụ thể, tính từ đầu năm đến ngày 20/3/2017, cả nước có 493 dự án mới được cấp GCNĐT với tổng vốn đăng ký là 2,917 tỷ USD, tăng 6,5% so với cùng kỳ năm 2016. Bên cạnh đó có 223 lượt dự án đăng ký tăng vốn đầu tư với tổng vốn đăng ký tăng thêm là 3,94 tỷ USD, tăng 206,4 % so với cùng kỳ năm 2016 và 1077 lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà ĐTNN với tổng giá trị góp vốn là 852,86 triệu USD, tăng 171,5% so với cùng kỳ. *(Chi tiết xem tại [đây](#))*

Lãi suất cho vay nông nghiệp công nghệ cao thấp hơn 0,5-1,5% lãi suất thị trường: Chiều 23/3, Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ chủ trì buổi họp với các bộ, ngành bàn về việc triển khai Nghị quyết số 30/2017/NQ-CP của Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về gói tín dụng 100.000 tỷ đồng từ nguồn vốn huy động của các NHTM để cho vay phát triển nông nghiệp công nghệ cao (NNCNC), nông nghiệp sạch với lãi suất phù hợp, thấp hơn từ 0,5-1,5% so với lãi suất thị trường. *(Chi tiết xem tại [đây](#))*

Sản lượng thép tháng Hai tăng mạnh: Theo Hiệp hội Thép Thế giới, sản lượng thép thô trong tháng Hai đạt 126,6 triệu tấn tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2016 mặc dù giảm xuống so với mức 137,8 triệu tấn hồi tháng Một (tuy nhiên, cũng cần phải lưu ý rằng năm nay tháng Hai ít hơn tháng Một 3 ngày). Trong suốt tháng hai, sản lượng thép thô tại các nước trên thế giới đã có mức tăng đáng kể, cụ thể: Trung Quốc đạt 61,2 triệu tấn, tăng 4,6% so với cùng kỳ năm ngoái; Ấn Độ đã nâng lên tới 8,9% chạm mức 8,1 triệu tấn; một số quốc gia khác dừng lại ở mức 65,4 triệu tấn, tăng 3,6% so với tháng 2/2016; trong khi sản lượng thép của Nhật Bản giảm 0,1% xuống còn 8,3 triệu tấn; sản lượng thép của Mỹ chỉ đạt 6,4 triệu tấn, giảm 1% so với cùng kỳ năm ngoái. Nâng tổng công suất khai thác trên toàn thế giới đạt 70,3%, mức cao nhất kể từ tháng Sáu năm ngoái. *(Chi tiết xem tại [đây](#))*

TIN DOANH NGHIỆP:**Tổng Công Ty Khí Việt Nam-CTCP (GAS, HSX)** (*Chi tiết xem tại [đây](#)*)

Nghị quyết HĐQT về việc thông qua tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2016 bằng tiền mặt

- Tỷ lệ thực hiện: 7% (01 cổ phiếu nhận được 700 đồng)
- Thời gian thanh toán: tháng 04/2017.

CTCP Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ (DVP, HSX) (*Chi tiết xem tại [đây](#)*)

Thông báo Nghị quyết HĐQT về việc thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh 2017:

- Sản lượng: 620.000 teu
- Doanh thu: 685 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 310 tỷ đồng
- Cổ tức dự kiến: trên 30%.

CTCP Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO (CTI, HSX) (*Chi tiết xem tại [đây](#)*)

Công bố tài liệu họp Đại hội cổ đông năm 2017:

1/ Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2017:

- Doanh thu công ty mẹ: 955 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ: 108,19 tỷ đồng
- Doanh thu hợp nhất: 1.426 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất: 145,58 tỷ đồng

2/ Phương án phát hành, chào bán cổ phiếu:

- Thời gian phát hành dự kiến: trong quý I và quý II/2017 sau khi được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp nhận

a/ Phát hành cổ phiếu ESOP:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành ESOP: 2.000.000 cổ phần
- Tỷ lệ ESOP phát hành dự kiến: 4,65% cổ phiếu đang lưu hành
- Giá phát hành: 15.000 đồng
- Hạn chế chuyển nhượng: 3 năm.

b/ Phát hành cổ phiếu riêng lẻ:

- Số lượng cổ phần phát hành thêm: 18.000.000 cổ phần
- Tỷ lệ cổ phiếu đăng kí chào bán thêm trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 41,86%
- Giá phát hành: dự kiến không quá 22.000 đồng/ cổ phần
- Hạn chế chuyển nhượng: 1 năm.

3/ Cổ tức: dự kiến 17% (1 cổ phiếu nhận được 1700 đồng).

CTCP Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thiên Nam (TNA, HSX) (*Chi tiết xem tại [đây](#)*)

Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh 2017:

- Doanh thu : 3.200 tỷ đồng
- Lợi nhuận: 105 tỷ đồng
- Cổ tức: 20-30%.

CTCP Xây dựng FLC Faros (ROS, HSX) (*Chi tiết xem tại [đây](#)*)

Thông báo Nghị quyết HĐQT về việc thông qua chủ trương thành lập công ty con tại Bình Định

- Tên công ty con dự kiến thành lập: Công ty TNHH Đầu tư và phát triển FLC Faros Bình Định.
- Vốn điều lệ công ty con: 100 tỷ đồng
- Tỷ lệ góp vốn vào công ty con: 100%.

CTCP Dây Cáp điện Việt Nam (CAV, HSX) (*Chi tiết xem tại [đây](#)*)

Ông Lê Quang Định – Tổng Giám Đốc đăng kí mua 25.000 cổ phiếu theo phương thức thỏa thuận và khớp lệnh. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch từ ngày 28/03/2016 đến ngày 26/04/2017.

Tổng CTCP Bia-Rượu-Nước giải khát Hà Nội (BHN, HSX) (*Chi tiết xem tại [đây](#)*)

Thông báo ngày ĐKCC để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2017:

- Ngày giao dịch không hưởng quyền: 04/04/2017
- Ngày đăng ký cuối cùng: 05/04/2017
- Thời gian thực hiện: dự kiến ngày 27/04/2017
- Địa điểm tổ chức: Trụ sở Tổng Công ty tại 183 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, Hà Nội.

Tổng công ty Viglacera-CTCP (VGC, HNX) (*Chi tiết xem tại [đây](#)*)

Thông báo ngày ĐKCC để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2017:

- Ngày giao dịch không hưởng quyền: 30/03/2017
- Ngày đăng ký cuối cùng: 31/03/2017
- Thời gian thực hiện: dự kiến từ ngày 25/04/2017 đến ngày 28/04/2017
- Địa điểm tổ chức: Thông báo sau.

CTCP Sản xuất Xuất Nhập Khẩu Inox Kim Vĩ (KVC, HNX) (*Chi tiết xem tại [đây](#)*)

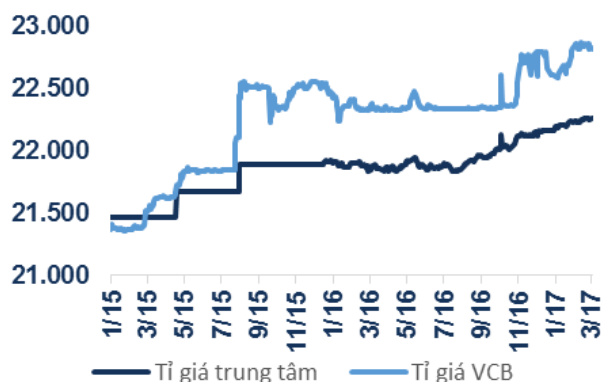
Thông báo ngày ĐKCC để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2017:

- Ngày giao dịch không hưởng quyền: 03/04/2017
- Ngày đăng ký cuối cùng: 04/04/2017
- Thời gian thực hiện: 25/04/2017
- Địa điểm tổ chức: Khu Resort Tropicana –Tỉnh lộ 44A, thị trấn Phước Hải, huyện Đất đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

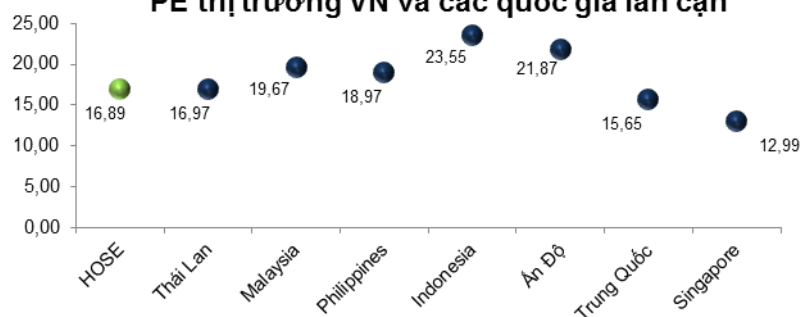
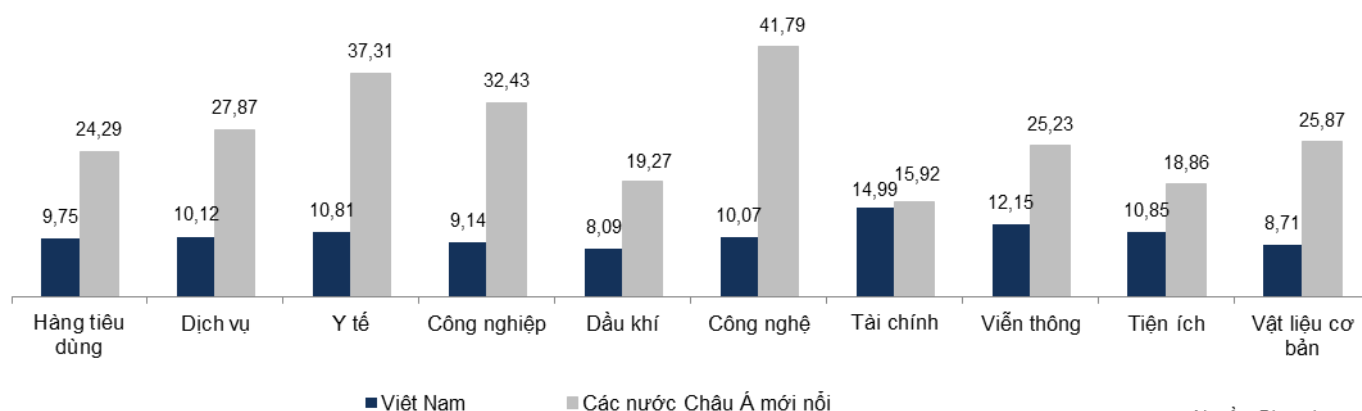
THỊ TRƯỜNG NGOẠI TỆ
Biến động một số loại tiền tệ

Cặp ngoại tệ	Tỷ giá 24/03/2017	Δ	YTD
USD/VND	22.820	0,00	0,13%
EUR/VND	24.636	-42,00	2,19%
JPY/VND	205,70	0,35	4,83%
CNY/VND	3.362	2,00	1,14%

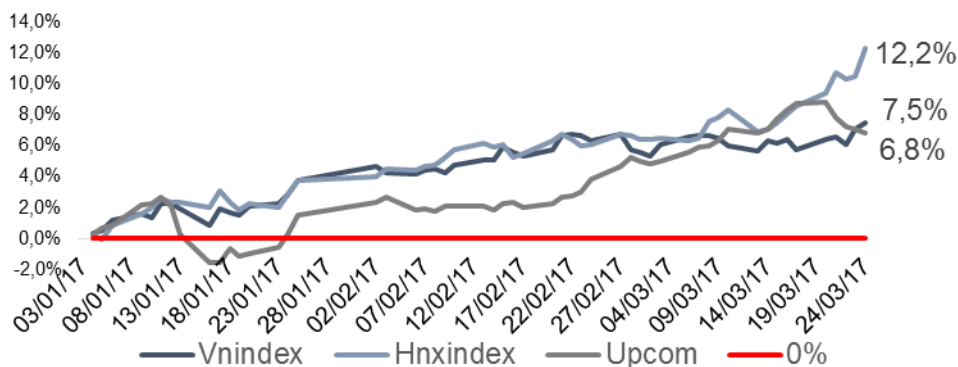
Nguồn: Vietcombank

Biến động Tỷ giá USD/VND

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

Chỉ số	Giá trị	Biến động Δ	Biến động %
DJIA	20.657	-4,7	-0,02%
NASDAQ	5.355	-12,4	-0,23%
S&P 500	2.346	-2,5	-0,11%
FTSE 100	7.341	0,6	0,01%
CAC 40	5.016	-16,5	-0,33%
SHANGHAI	3.269	20,9	0,64%
NIKKEI	19.263	177,2	0,93%

PE thị trường VN và các quốc gia lân cận

CHỈ SỐ PE THEO NGÀNH CỦA VIỆT NAM VÀ CÁC NƯỚC MỚI NỔI


Nguồn: Bloomberg

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM
Biến động các chỉ số so với đầu năm


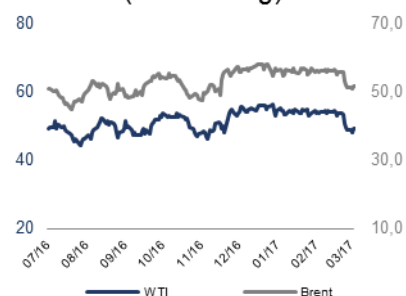
	Sàn HOSE					Sàn HNX					Sàn UPCOM				
	Tỷ trọng	Số lượng CP	Thay đổi	% cp tăng	% cp giảm	Tỷ trọng	Số lượng CP	Thay đổi	% cp tăng	% cp giảm	Tỷ trọng	Số lượng CP	Thay đổi	% cp tăng	% cp giảm
Tài chính	24,2%	21	0,4%	57,1%	28,6%	39,8%	22	3,4%	59,1%	0,0%	0,0%	1	0,0%	0,0%	0,0%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	28,0%	36	0,1%	50,0%	36,1%	7,0%	22	-0,3%	40,9%	27,3%	0,0%	3	-12,3%	33,3%	66,7%
Dịch vụ điện - nước	8,2%	19	1,8%	26,3%	63,2%	0,3%	3	1,9%	33,3%	66,7%	0,0%	1	-9,1%	0,0%	100,0%
Công nghiệp	13,9%	91	0,4%	40,7%	39,6%	20,8%	123	0,4%	24,4%	27,6%	0,2%	15	-2,0%	20,0%	26,7%
Nguyên vật liệu	6,0%	52	-0,1%	32,7%	40,4%	12,2%	55	1,6%	41,8%	18,2%	0,3%	10	2,9%	40,0%	20,0%
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	3,5%	36	0,0%	38,9%	36,1%	3,9%	26	-0,7%	23,1%	19,2%	0,0%	2	0,0%	0,0%	0,0%
CNTT	1,5%	7	-0,6%	0,0%	42,9%	0,6%	11	-3,1%	18,2%	27,3%	-	-	-	-	-
Năng lượng	0,9%	9	-0,1%	33,3%	66,7%	8,1%	24	0,5%	25,0%	16,7%	0,0%	1	-3,6%	0,0%	100,0%
Chăm sóc sức khỏe	1,4%	9	0,9%	55,6%	44,4%	1,3%	7	1,5%	28,6%	28,6%	-	-	-	-	-
Không phân loại	0,0%	1	-6,7%	0,0%	100,0%	4,2%	49	-0,2%	30,6%	32,7%	-	-	-	-	-
Toàn thị trường	100,0%	321	0,4%	38,9%	42,1%	100,0%	355	1,7%	30,1%	23,1%	100,0%	311	-0,4%	23,5%	24,4%

Nguồn: Bloomberg

Cổ phiếu biến động giá lớn trong 1 tuần

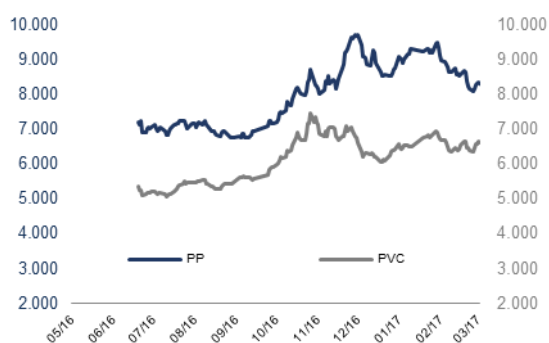
HOSE				HNX				UPCOM			
Mã cp	KLGD	Giá	% thay đổi	Mã Cp	KLGD	Giá	% thay đổi	Mã Cp	KLGD	Giá	% thay đổi
Cổ phiếu tăng giá											
DTA	136.070	2.550	37,8%	SGH	1.000	25.300	44,6%	PXM	9.100	400	33,3%
AGR	2.756.960	4.330	28,5%	SEB	100	37.400	33,6%	DGT	-	7.300	30,4%
QCG	409.510	5.260	21,2%	HKB	3.445.100	7.200	33,3%	DBM	-	18.800	28,2%
KAC	29.910	12.100	21,0%	NDF	83.800	2.700	28,6%	VIN	-	15.500	28,1%
BTT	6.630	42.000	19,8%	VDL	19.200	34.300	27,0%	VFC	-	9.500	26,7%
Cổ phiếu giảm giá											
LGC	5.070	22.450	-17,1%	BSC	-	15.400	-18,5%	RCD	3.200	33.000	-35,8%
SZL	49.110	34.900	-13,8%	C92	-	11.500	-17,3%	NOS	10.700	300	-25,0%
PHR	649.680	26.500	-13,0%	HLY	500	16.300	-16,0%	AVF	348.400	300	-25,0%
GTN	1.091.460	14.800	-10,8%	KSK	249.500	1.100	-15,4%	SPD	9.800	7.100	-19,3%
VPH	940.200	12.500	-10,1%	NHC	-	34.000	-13,9%	MMC	1.200	900	-18,2%

Nguồn: Bloomberg

THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA QUỐC TẾ
Dầu thô
(USD/thùng)

Giá vàng
(USD/oz)

Chì và đồng
(USD/tấn)

Thép cán nóng HRC
(USD/tấn)

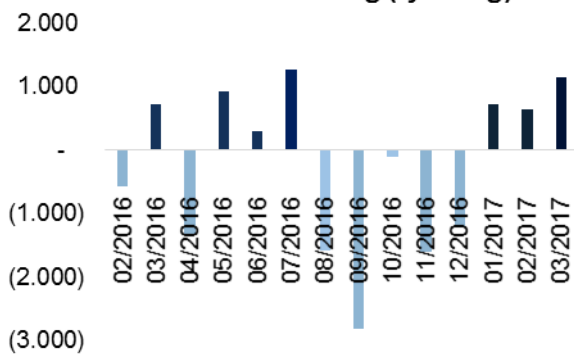
Hạt nhựa
(USD/tấn)

Giá cao su TN
(USD/tấn)


(Nguồn: Bloomberg)

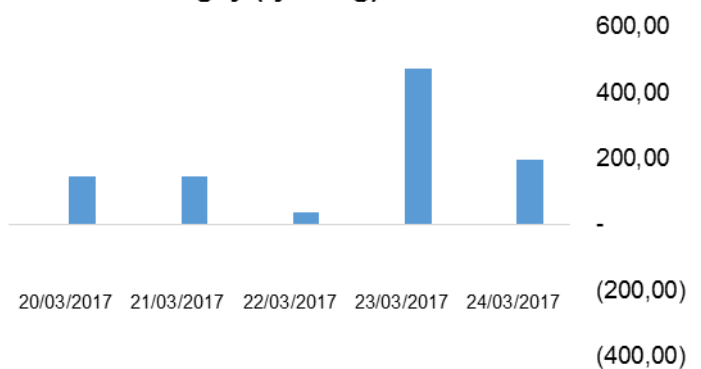
GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Sàn	Khối lượng (triệu cp)				Giá trị (tỷ VND)			
	Mua	Bán	Mua - Bán	Tỷ lệ GTGD ròng/ Thị trường	Mua	Bán	Mua - Bán	Tỷ lệ GTGD ròng/ Thị trường
HOSE	11,45	11,72	-0,28	-0,13%	893,07	715,02	178,05	4,06%
HNX	1,36	1,11	0,24	0,35%	24,37	8,14	16,23	2,18%
Tổng	12,80	12,84	-0,03	-0,01%	917,44	723,16	194,28	3,79%

Giá trị giao dịch ròng của NĐTNN theo tháng (tỷ đồng)



Giá trị giao dịch ròng của NĐTNN theo ngày (tỷ đồng)



HOSE

Top mua ròng

Mã CK	Tổng khối lượng (CP)			Giá trị Mua ròng (1000 VND)	Tỉ trọng của NĐTNN /Toàn TT		
	Mua	Bán	Mua Ròng		Tổng KLGD toàn thị trường	Tỉ trọng mua NĐTNN	Tỉ trọng bán NĐTNN
HPG	1.039.160	9.440	1.029.720	44.206.966	2.997.330	35%	0%
VIC	696.140	7.250	688.890	29.139.583	1.562.480	45%	1%
VNM	4.297.880	3.811.770	486.110	68.708.627	4.819.750	89%	79%
BID	440.400	500	439.900	7.768.300	8.242.990	5%	0%
ITA	409.630	-	409.630	1.691.928	28.021.000	2%	0%
NT2	346.270	-	346.270	11.220.397	548.660	63%	0%
VJC	331.510	32.770	298.740	38.195.996	717.630	46%	5%
CTG	340.000	171.550	168.450	3.144.119	2.641.790	13%	7%
VNS	157.990	2.000	155.990	4.583.133	248.060	64%	1%
KBC	132.840	-	132.840	1.950.118	1.817.150	7%	0%
HSG	181.170	52.000	129.170	6.120.403	1.264.070	14%	4%
STB	331.050	209.020	122.030	1.430.956	13.413.190	3%	2%
CTD	122.970	1.740	121.230	24.960.340	274.460	45%	1%
MSN	138.510	20.680	117.830	5.651.811	431.540	32%	5%
DPM	228.960	129.590	99.370	2.397.521	775.910	30%	17%
DRC	163.160	70.650	92.510	2.934.334	820.320	20%	9%
HAG	89.370	-	89.370	887.622	12.963.710	1%	0%
KDC	98.500	13.610	84.890	3.554.199	770.270	13%	2%
DMC	78.600	270	78.330	7.082.360	97.150	81%	0%
KHP	76.560	-	76.560	865.131	128.000	60%	0%

Top bán ròng

Mã CK	Tổng khối lượng (CP)			Giá trị Bán ròng (1000 VND)	Tỉ trọng của NDTNN /Toàn TT		
	Mua	Bán	Bán ròng		Tổng KLGD toàn thị trường	Tỉ trọng mua NDTNN	Tỉ trọng bán NDTNN
PVD	122.380	1.266.610	1.144.230	23.215.250	2.775.590	4%	46%
SSI	309.480	974.146	664.666	15.315.698	2.940.916	11%	33%
E1VFN30	580	500.000	499.420	5.608.463	501.830	0%	100%
VCB	183.240	645.130	461.890	17.587.822	1.411.600	13%	46%
DLG	11.500	420.880	409.380	1.264.710	1.789.520	1%	24%
DCM	-	400.000	400.000	4.257.314	1.388.350	0%	29%
GTN	14.310	409.100	394.790	5.891.659	1.342.270	1%	31%
DXG	24.000	353.940	329.940	6.015.335	8.591.550	0%	4%
HT1	57.440	251.610	194.170	4.494.333	485.190	12%	52%
FLC	28.840	220.000	191.160	1.585.218	23.537.300	0%	1%
HAI	2.100	133.450	131.350	496.595	763.800	0%	18%
PVT	31.600	161.740	130.140	1.634.839	875.270	4%	19%
VHG	-	115.000	115.000	263.850	6.842.100	0%	2%
TSC	-	97.000	97.000	260.306	577.560	0%	17%
DRH	-	80.000	80.000	1.982.562	331.580	0%	24%
SCR	-	78.000	78.000	640.185	1.588.980	0%	5%
CII	56.180	131.900	75.720	2.897.859	3.087.670	2%	4%
AAA	-	71.200	71.200	1.721.451	603.700	0%	12%
PXS	-	61.000	61.000	622.200	336.590	0%	18%
NLG	3.800	38.090	34.290	942.575	334.610	1%	11%

HNX

Top mua ròng

Mã CK	Tổng khối lượng (CP)			Giá trị Mua ròng (1000 VND)	Tỉ trọng của NDTNN /Toàn TT		
	Mua	Bán	Mua Ròng		Tổng KLGD toàn thị trường	Tỉ trọng mua NDTNN	Tỉ trọng bán NDTNN
PVS	282.900	-	282.900	4.993.930	804.975	35%	0%
PLC	229.200	1.500	227.700	6.607.510	235.100	98%	1%
VND	163.300	-	163.300	2.341.110	630.260	26%	0%
VGC	96.800	-	96.800	1.450.500	176.200	55%	0%
VKC	95.700	-	95.700	1.339.730	185.211	52%	0%
VCG	57.900	-	57.900	955.350	2.223.878	3%	0%
KHB	20.000	-	20.000	28.000	201.400	10%	0%
HUT	20.000	1.000	19.000	281.400	1.777.689	1%	0%
TNG	19.000	-	19.000	258.600	78.141	24%	0%
IVS	20.000	5.000	15.000	188.150	312.500	6%	2%

Top bán ròng

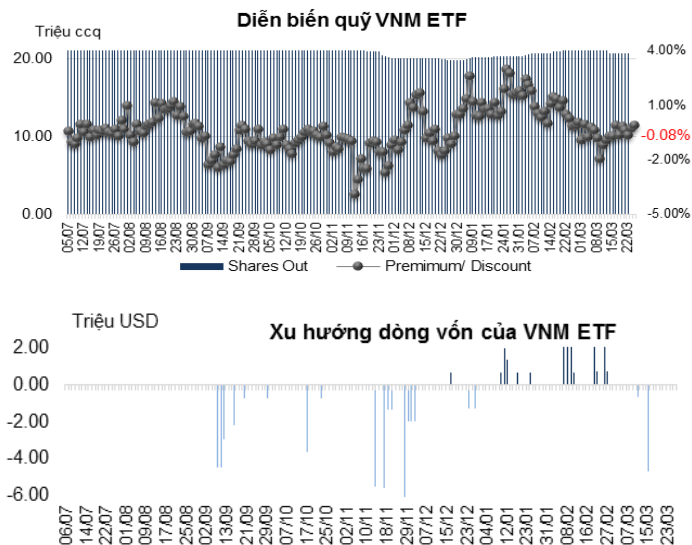
Mã CK	Tổng khối lượng (CP)			Giá trị Bán ròng (1000 VND)	Tỉ trọng của NDTNN /Toàn TT		
	Mua	Bán	Bán ròng		Tổng KLGD toàn thị trường	Tỉ trọng mua NDTNN	Tỉ trọng bán NDTNN
SHB	209.000	715.900	506.900	2.717.920	24788344	1%	3%
DCS	-	87.000	87.000	200.100	551348	0%	16%
CKV	-	49.100	49.100	670.690	50000	0%	98%
BII	-	36.000	36.000	100.800	175610	0%	21%
SD9	-	33.000	33.000	264.000	96261	0%	34%
PVG	-	31.000	31.000	216.500	123400	0%	25%
TTC	200	20.000	19.800	360.340	34100	1%	59%
PVB	-	16.500	16.500	173.250	37937	0%	44%
VMS	-	15.000	15.000	195.000	60600	0%	25%
NDN	-	12.500	12.500	106.650	186500	0%	7%

GIAO DỊCH CÁC QUỸ ETFs

Mã CP	Danh sách năm giữ			
	Số lượng 03/23/17	Số lượng 03/24/17	Chênh lệch	Tỷ trọng 03/24/17
VNM VN	3,716,760	3,716,760	0	7.80%
VIC VN	11,371,622	11,371,622	0	7.24%
MSN VN	9,101,390	9,101,390	0	6.54%
NVL VN	6,395,120	6,535,900	140,780	6.54%
VCB VN	10,905,972	10,905,972	0	6.25%
HPG VN	7,147,160	7,147,160	0	4.58%
SSI VN	12,759,271	12,759,271	0	4.35%
BVH VN	4,534,206	4,534,206	0	4.09%
STB VN	17,481,212	17,481,212	0	2.98%
KDC VN	4,609,480	4,609,480	0	2.87%
VCG VN	10,970,297	10,970,297	0	2.69%
HAG VN	16,747,044	16,747,044	0	2.53%
DPM VN	6,874,550	6,874,550	0	2.49%
SBT VN	6,134,825	6,134,825	0	2.26%
NT2 VN	4,533,959	4,533,959	0	2.19%
FLC VN	15,846,352	15,846,352	0	1.95%
HSG VN	2,381,110	2,381,110	0	1.68%
PVS VN	5,682,450	5,682,450	0	1.50%
PVD VN	4,638,285	4,638,285	0	1.42%
GMD VN	9	9	0	0.00%
PVT VN	2	2	0	0.00%

Nguồn: Bloomberg

• Market Vectors Vietnam ETF

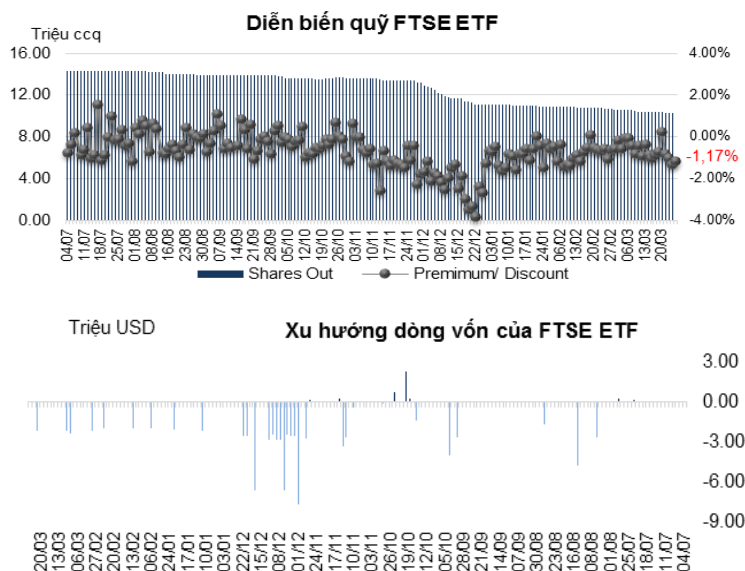


Nguồn: Bloomberg

• FTSE Vietnam Index

Mã CP	Danh sách năm giữ			
	Số lượng 03/23/17	Số lượng 03/24/17	Chênh lệch	Tỷ trọng 03/24/17
VNM VN	6,210,830	6,210,809	-21	15.49%
MSN VN	16,454,603	16,454,546	-57	14.05%
VIC VN	18,130,033	18,129,971	-62	13.70%
HPG VN	13,159,968	13,159,923	-45	10.00%
ROS VN	3,151,519	3,151,508	-11	8.70%
VCB VN	9,171,690	9,171,659	-32	6.24%
SSI VN	11,394,299	11,394,260	-39	4.61%
CII VN	4,459,118	4,459,103	-15	2.97%
HSG VN	2,818,307	2,818,298	-10	2.36%
DPM VN	4,988,057	0	-4,988,057	0.00%
GTN VN	6,213,813	6,213,792	-21	1.75%
BVH VN	1,735,040	1,735,034	-6	1.86%
KBC VN	6,885,851	6,885,827	-24	1.79%
SBT VN	3,953,348	3,953,335	-14	1.73%
NT2 VN	2,904,895	2,904,885	-10	1.67%
FLC VN	9,962,462	9,962,428	-34	1.45%
DXG VN	3,934,652	3,934,639	-14	1.29%
HBC VN	1,277,417	1,277,413	-4	1.26%
ASM VN	3,434,184	3,434,173	-12	0.00%
BHS VN	4,081,569	4,081,555	-14	0.00%

Nguồn: Bloomberg



DIỄN GIẢI KHUYẾN NGHỊ

Mức khuyến nghị trên dựa vào việc xác định mức chênh lệch giữa giá trị mục tiêu so với giá trị thị trường hiện tại của mỗi cổ phiếu nhằm cung cấp thông tin hữu ích cho nhà đầu tư trong thời gian đầu tư 12 tháng kể từ ngày đưa ra khuyến nghị.

Mức kỳ vọng 18% được xác định dựa trên mức lãi suất trái phiếu Chính phủ 12 tháng cộng với phần bù rủi ro thị trường cổ phiếu tại Việt Nam.

Khuyến nghị	Diễn giải
Kỳ vọng 12 tháng	
Mua	Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường trên 18%
Thêm	Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường từ 7% đến 18%
Theo dõi	Nếu giá mục tiêu so với giá thị trường từ -7% đến 7%
Giảm	Nếu giá mục tiêu thấp hơn giá thị trường từ -7% đến -18%
Bán	Nếu giá mục tiêu thấp hơn giá thị trường trên -18%

Tuyên bố miễn trách nhiệm

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được cung cấp bởi FPTTS dựa vào các nguồn thông tin mà FPTTS coi là đáng tin cậy, có sẵn và mang tính hợp pháp. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác hay đầy đủ của các thông tin này.

Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này cần lưu ý rằng các nhận định trong báo cáo này mang tính chất chủ quan của chuyên viên phân tích FPTTS. Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

FPTTS có thể dựa vào các thông tin trong báo cáo này và các thông tin khác để ra quyết định đầu tư của mình mà không bị phụ thuộc vào bất kì ràng buộc nào về mặt pháp lý đối với các thông tin đưa ra.

Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này. Các thông tin có liên quan đến chứng khoán khác hoặc các thông tin chi tiết liên quan đến cổ phiếu này có thể được xem tại hoặc sẽ được cung cấp khi có yêu cầu chính thức.

Bản quyền © 2010 Công ty chứng khoán FPT

**Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
Trụ sở chính**

Tầng 2 - Tòa nhà 71 Nguyễn Chí Thanh
Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (84.4) 37737070 / 6271 7171
Fax: (84.4) 37739058

**Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh**

Tầng 3, tòa nhà Bến Thành Times
Square, 136 – 138 Lê Thị Hồng Gấm,
Q.1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: (84.8) 62908686
Fax: (84.8) 62910607

**Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
Chi nhánh Tp.Đà Nẵng**

100 Quang Trung, P.Thạch Thang,
Quận Hải Châu TP. Đà Nẵng, Việt Nam
ĐT: (84.511) 3553666
Fax: (84.511) 3553888